

Số : 70/TB-THPTĐS

Đắk Song, ngày 21 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc phát các chế độ cho học sinh học kỳ I năm học 2019-2020

Căn cứ Nghị định 86/2015/-NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị định số: 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số: 1844/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

Nay nhà trường thông báo tới các bậc CMHS của các học sinh có tên sau lên nhận tiền (có danh sách kèm theo);

1. Thời gian nhận:

Từ ngày 21/11-5/12/2019

Buổi sáng bắt đầu từ 8^h – 11^h, buổi chiều từ 14^h-16^h

2. Địa điểm:

Phòng Kế toán – Thủ quỹ nhà trường gặp cô Nguyễn Thị Hải Hạnh (ĐT 0982 576 469).

Lưu ý: Khi lên nhận tiền quý phụ huynh mang theo CMND và sổ hộ khẩu bản gốc hoặc bản công chứng để nhà trường đối chiếu.

Đề nghị các bậc CMHS lên nhận tiền đúng thời gian và thành phần

Yêu cầu GVCN lớp thông báo rộng rãi tới học sinh để CMHS lên nhận chế độ kịp thời.

Nơi nhận:

- GVCN lớp (t/b)
- Website (t/b)
- Niêm yết bảng tin
- Lưu VT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Bảo Ngọc

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 86/2015/NĐ-CP 02/10/2015 CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NĂM 2019

HOC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020

STT	Tên học sinh	Lớp	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập HK I năm học 2019-2020			Thực nhận	Ký Nhận	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/tháng	Thành tiền			
1	Trần Vũ Văn Anh	10C1	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
2	Nguyễn Hoàng Nhật Kha	10C1	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
3	Nguyễn Thị Thu Ngân	10C1	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
4	Lê Văn Tuấn	10C3	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
5	Huỳnh Ngọc Nhi	10C3	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
6	Vũ Thị Thu Thủy	10C4	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
7	Nguyễn Thị Phương Thảo	10C4	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
8	H Vui	10C4	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
9	Hà Thị Diệu Linh	10C6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
10	Bùi Xuân Lượng	10C6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
11	Hoàng Đình Phú	10C6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
12	Nguyễn Văn Thành	10C6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
13	Hoàng Văn Quang	10C6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
14	Phạm Ngọc Diệp	10C7	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
15	Nguyễn Huy Đồng	10C8	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
16	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	10C8	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
17	Nguyễn Thị Hoa Trúc	10C8	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
18	Đinh Hoàng Thủy Tiên	10C9	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
19	Nguyễn Huy Hoàng	10C9	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
20	Nguyễn Dương Anh	11B1	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
21	Vũ Văn Hiền	11B2	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
22	Bùi Văn Đức	11B3	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
23	Lương Thị Hoài	11B3	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
24	Từ Thị Thủy Hằng	11B6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo
25	Nguyễn Thị Minh Thư	11B6	4	100.000	400.000	400.000		Hộ nghèo

26	Trương Thị Quỳnh Như	11B6	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
27	Cao Thị Phương Linh	12A1	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
28	Nguy Thanh Bình	12A1	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
29	Vũ Văn Vĩnh	12A1	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
30	Trần Thị Kim Ánh	12A1	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
31	Nguyễn Văn Thor	12A2	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
32	Nguyễn Đăng Thái	12A2	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
33	Bùi Thị Thoa	12A2	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
34	Trần Huy Thành	12A2	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
35	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12A4	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
36	Vũ Thị Bích Phương	12A4	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
37	Nguyễn Thị Thu Thor	12A4	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
38	Phạm Minh Tuấn	12A5	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
39	Quách Thị Thu Ngoan	12A6	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
40	Phạm Thị Quỳnh Như	12A6	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
41	Kim Văn Dũng	12A6	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
42	Thị Thiêng	12A7	4	100.000	400.000	400.000	Hộ nghèo
Tổng số					16.800.000	16.800.000	

Số tiền ghi bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng

Người lập

Mai
Vũ Văn Chấn

Đắk Song, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Hiệu Trưởng



Trần Bảo Ngọc

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỖ TRỢ HỌC BỔNG VÀ ĐỒ DÙNG HỌC TẬP
THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐTBXH- BTC NĂM 2019

Tên học sinh	Lớp	Đối tượng được hỗ trợ học bổng năm 2019-2020			Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập trong năm học	Thực nhận	Ký Nhận	Ghi chú
		Số tháng	Số tiền/tháng	Thành tiền				
Nguyễn Văn Thắng	10C9	4	1.192.000	4.768.000	1.000.000	5.768.000		Học sinh khuyết tật
Tổng số		4	1.192.000	4.768.000	1.000.000	5.768.000		

Số tiền ghi bằng chữ: Năm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng

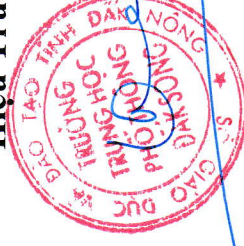
Người lập

Phuol

Vũ Văn Chiến

Đắk Song, ngày 13 tháng 11 năm 2019

Hiệu Trưởng



Trần Bảo Ngọc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HUỖNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ I NĂM HỌC: 2019-2020
(Từ tháng 09/2019 đến tháng 12/2019)**

STT	Họ và tên	Lớp	Hộ khẩu thường trú		Hỗ trợ tiền ăn 40% mức lương tối thiểu	Hỗ trợ tiền nhà ở 10% mức lương tối thiểu	Số tháng được hưởng	Số tiền được nhận	Ký nhận	Khoảng cách từ địa bàn tới trường (Km)
			Thôn, bon, bản, xã	Diện ưu tiên						
1	H- Vui	10C4	Bon Jâng Plây I, Trường Xuân	Vùng ĐBK	596.000	149.000	4	2.980.000		35
2	Nguyễn Huy Hoàng	10C9	Bon Bu Păh, Trường Xuân	Vùng ĐBK	596.000	149.000	4	2.980.000		20
3	Y Khán	11B6	Bon Bu Bơ, Trường Xuân	Vùng ĐBK	596.000	149.000	4	2.980.000		28
4	H Dao	11B8	Bon Bu Bơ, Trường Xuân	Vùng ĐBK	596.000	149.000	4	2.980.000		35
5	Vi Thị Hồng Mến	11A1	Thôn 3, Bon Bu Păh, Trường Xuân	Vùng ĐBK	596.000	149.000	4	2.980.000		30
Tổng cộng					2.980.000	745.000	20	14.900.000		

ổng số tiền viết bằng chữ: (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Chấn

Đắk Song, ngày 13 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Trần Bảo Ngọc

**DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 31/2016/NQ-HĐND VÀ QUYẾT ĐỊNH 1844 CỦA UBND TỈNH, NĂM 2019
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020**

STT	Tên học sinh	Lớp	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập HK I năm học 2019-2020			Thực nhận	Ký Nhận	Ghi chú
			Số tháng	Số tiền/tháng	Thành tiền			
	Dân tộc thiểu số tại chỗ							
1	H- Vui	10C4	4	80.000	320.000	320.000		Hộ nghèo
2	Y Khan	11B6	4	80.000	320.000	320.000		Hộ cận nghèo
3	H Dao	11B6	4	80.000	320.000	320.000		Hộ cận nghèo
4	Thị Thiêng	12A7	4	80.000	320.000	320.000		Hộ nghèo
	Dân tộc thiểu số khác							
5	Hà Thị Diệu Linh	10C6	4	50.000	200.000	200.000		Hộ nghèo
6	Lương Thị Hoài	11B3	4	50.000	200.000	200.000		Hộ nghèo
7	Triệu Vy	11B4	4	50.000	200.000	200.000		Hộ cận nghèo
8	Hoàng Thị Anh Thư	11B4	4	50.000	200.000	200.000		Hộ cận nghèo
9	Hoàng Phương Thảo	12A5	4	50.000	200.000	200.000		Hộ cận nghèo
Tổng số			36	570.000	2.280.000	2.280.000		

Số tiền ghi bằng chữ: Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng

Người lập

Hiệu Trưởng

Đắk Song, ngày 19 tháng 11 năm 2019

Nguyễn Văn Chiến



Trần Bảo Ngọc

